

sĩ quan và quân nhân chuyên nghiệp tại chức, nghỉ hưu hoặc đã chết: 70%

d) Những đối tượng còn lại thuộc điều 1 quyết định này: 80%.

e) Những đối tượng nói trong điều 2 quyết định này: 100%.

**Điều 5.** — Trên cơ sở Quyết định này, Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ, sau khi thống nhất với Bộ Y tế và Bộ Tài chính, quy định chế độ cấp thuốc và trợ cấp tiền ăn cho người bệnh thuộc các lực lượng vũ trang.

**Điều 6.** — Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 4 năm 1986. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Bộ Y tế cùng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định này.

**Điều 7.** — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó chủ tịch

TỔ HỮU

**QUYẾT ĐỊNH** của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 80-CT ngày 31-3-1986 về giá bán điện tiêu dùng sinh hoạt cho công nhân, viên chức.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG**

Căn cứ Điều lệ quản lý giá bán hành kèm theo Nghị định số 33-HĐBT ngày 27-2-1984 của Hội đồng Bộ trưởng;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Điện lực và Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** — Giá bán điện tiêu dùng sinh hoạt cho công nhân, viên chức là 0,60

đồng/KWh; nếu sử dụng vượt định mức thì phần điện sử dụng vượt định mức thanh toán theo giá 1,20 đồng/kWh.

Về định mức sử dụng điện trong tiêu dùng sinh hoạt, tạm thời áp dụng theo quy định hiện hành của Bộ Điện lực.

**Điều 2.** — Giá bán điện do Ủy ban Nhân dân các địa phương đã quy định đều không có giá trị thi hành.

**Điều 3.** — Giá bán điện theo Quyết định này thi hành từ ngày 1 tháng 10 năm 1985.

**Điều 4.** — Bộ Điện lực phối hợp với Bộ Tài chính và Bộ Lao động hướng dẫn thi hành Quyết định này.

**Điều 5.** — Các Bộ, Ủy ban Nhà nước và các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó chủ tịch

TỔ HỮU

**CÁC BỘ**

**LIÊN BỘ**

**GIAO THÔNG VẬN TẢI — TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**THÔNG TƯ** liên bộ Giao thông vận tải — Tổng cục Hải quan số 297-TT/LB ngày 15-3-1986 quy định chế độ xuất nhập khẩu hành lý của cán bộ, công nhân, lái xe, lái tàu và thuyền viên Việt Nam làm việc trên các phương tiện vận tải thường xuyên qua lại biên giới bằng đường bộ, đường sông; của thuyền viên Việt Nam làm việc trên các tàu thuyền Việt Nam hoạt động trên các tuyến hàng hải quốc tế.

Thi hành Chỉ thị số 202-HĐBT ngày 10-7-1985 của Hội đồng Bộ trưởng về việc

09673833

Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienHapLuat.com



chấn chỉnh công tác kiểm tra, kiểm soát của Hải quan tại các sân bay, hải cảng, các cửa khẩu khác (điểm 4 phần B) liên Bộ Giao thông vận tải—Tổng cục Hải quan quy định chế độ xuất nhập khẩu hành lý của cán bộ, công nhân, lái xe, lái tàu và thuyền viên Việt Nam làm việc trên các phương tiện vận tải thường xuyên qua lại biên giới Việt Nam — Lào, Việt Nam — Campuchia bằng đường bộ và đường sông (dưới đây gọi tắt là lái xe, lái tàu Việt Nam); Thuyền viên Việt Nam làm việc trên các tàu thuyền Việt Nam hoạt động trên các tuyến hàng hải quốc tế (dưới đây gọi tắt là thuyền viên Việt Nam) để các cấp thuộc ngành Giao thông vận tải, các cấp thuộc ngành Hải quan và các cá nhân làm việc trên các phương tiện vận tải nêu trên thống nhất thực hiện.

## I. NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Hành lý xuất nhập khẩu của lái xe, lái tàu và thuyền viên Việt Nam đều phải khai báo và chịu sự kiểm tra, kiểm soát, quản lý của Hải quan cửa khẩu.

2. Những hành lý xuất nhập khẩu đó phải theo đúng những quy định của Thông tư này và không thuộc loại hàng cấm xuất, cấm nhập quy định trong danh mục kèm theo Thông tư số 9-TT/LB/TC/NgT ngày 25-3-1983 của liên Bộ Tài chính — Ngoại thương.

3. Những hành vi xuất nhập khẩu hành lý trái với Thông tư này đều bị xử lý theo pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

## II. TIÊU CHUẨN HÀNH LÝ XUẤT NHẬP KHẨU

### A. Tiêu chuẩn hành lý xuất khẩu :

1. Mỗi lần xuất cảnh, lái xe, lái tàu và thuyền viên Việt Nam được mang theo miễn thuế các hành lý dưới đây :

a) Quần áo, giày dép, vật dụng sinh hoạt hàng ngày, đồ dùng nghề nghiệp v.v... để sử dụng cho cá nhân trong thời gian lưu trú ở nước ngoài;

b) Hai trăm gam thuốc phòng bệnh thông thường;

c) Năm tút thuốc lá (loại một tút 10 bao, 1 bao 20 điếu) loại do thương nghiệp quốc doanh bán;

d) Một đồng hồ loại đeo tay hoặc bỏ túi;

e) Một tư trang bằng vàng không quá hai đồng cân, theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

g) Một máy ảnh;

Trừ các hành lý sử dụng hết hoặc tiêu hao (a, b, c) khi về nước phải mang về đầy đủ các hành lý (d, e, g) mà lúc xuất cảnh đã mang đi.

2. Riêng đối với lái xe, lái tàu Việt Nam, quy định thêm như sau :

a) Đi và về trong một ngày không được mang theo hàng hóa.

b) Đi và về từ hai ngày đến bảy ngày được mang theo miễn thuế một số hàng hóa trị giá không quá chín trăm đồng Việt Nam (theo giá tính thuế hàng hóa xuất nhập khẩu phi mậu dịch do cơ quan thuế tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương ấn định từng thời gian).

c) Đi và về từ tám ngày đến mười bốn ngày được mang theo miễn thuế một số hàng hóa trị giá không quá hai nghìn đồng Việt Nam (theo giá tính thuế như quy định ở mục A, điểm 2b).

d) Đi và về từ mười lăm ngày đến hai mươi ngày được mang theo miễn thuế một số hàng hóa trị giá không quá hai nghìn năm trăm đồng Việt Nam (theo giá tính thuế như quy định ở mục A, điểm 2b).

e) Đi và về từ hai mươi ngày trở lên được mang theo hàng hóa như quy định ở mục A điểm 2d; và kể từ ngày thứ hai mươi một trở đi, mỗi ngày được mang thêm một số hàng hóa với trị giá



không quá một trăm đồng Việt Nam (theo giá tính thuế như quy định ở mục A, điểm 2b).

Số ngày đi và về phải được ghi rõ trên giấy đi đường do Thủ trưởng hoặc người được Thủ trưởng ủy quyền của xí nghiệp hoặc đơn vị vận tải ký tên (phải ghi rõ họ tên người ký rồi đóng dấu của đơn vị hoặc xí nghiệp) và phải xuất trình cho Hải quan cửa khẩu lúc xuất cảnh.

3. Hàng hóa mang đi (không thuộc loại cấm xuất khẩu) vượt trị giá hoặc vượt định lượng, thì phần hàng hóa vượt trị giá, hoặc vượt định lượng quy định ấy không được xuất khẩu.

## B. Tiêu chuẩn hành lý nhập khẩu :

### 1. Đối với lái xe, lái tàu Việt Nam.

Ngoài những hành lý mang theo trong một chuyến đi công tác (quy định ở mục A điểm 1), khi nhập cảnh còn được mang theo về nước miễn thuế một số hàng hóa như sau :

a) Đi và về từ hai ngày đến bảy ngày, số hàng hóa được mang theo về trị giá không quá chín trăm đồng Việt Nam, theo giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu phi mậu dịch do cơ quan thuế tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương ấn định từng thời gian (nếu có chứng minh khi xuất cảnh có mang đi số hàng hóa trị giá tương đương) trong đó thuốc lá không quá năm tót loại 1 tót 10 bao, 1 bao 20 điếu, loại do Lào hoặc Campuchia hoặc Việt Nam sản xuất.

b) Đi và về từ tám ngày đến mười bốn ngày, số hàng hóa được mang theo về nước trị giá không quá hai nghìn đồng Việt Nam và theo các quy định khác như ở mục B điểm 1. a.

c) Đi và về từ mười lăm ngày đến hai mươi ngày, số hàng hóa được mang theo về nước trị giá không quá hai nghìn năm trăm đồng Việt Nam và theo các quy định khác như ở mục B điểm 1. a.

d) Đi và về từ hai mươi ngày trở lên, số hàng hóa được mang theo về nước như đã quy định ở mục B điểm 1. c và kể từ ngày thứ hai mươi một trở đi, mỗi ngày được mang thêm một số hàng hóa về nước trị giá không quá một trăm đồng Việt Nam (theo giá tính thuế nói ở mục B điểm 1. a).

Hàng hóa mang theo về nước (không thuộc loại cấm nhập khẩu), vượt trị giá và vượt định lượng, thì phần hàng hóa vượt trị giá quy định phải nộp thuế hàng hóa nhập khẩu phi mậu dịch cho Hải quan cửa khẩu, đồng thời phải bán cho thương nghiệp quốc doanh phần thuốc lá vượt định lượng, theo giá mua thấp hơn giá bán lẻ kinh doanh thương nghiệp từ 10% đến 20% như đã quy định trong Chỉ thị số 202-KĐBT ngày 10-7-1985 của Hội đồng Bộ trưởng.

### 2. Đối với thuyền viên Việt Nam.

#### a) Về hàng hóa :

a. 1) Hàng miễn thuế : Khi nhập cảnh, ngoài những hành lý ghi ở điểm 1 mục A, còn được mua mang theo về nước một số hàng hóa bằng các khoản ngoại tệ thu nhập hợp pháp được công nhận của từng người :

— Nếu số ngoại tệ thu nhập hợp pháp chỉ dùng để mua hàng hóa cho bản thân, thì mức miễn thuế được hưởng là 3,3 USD/ngày (tính theo số ngày đi và về).

— Nếu tất cả số ngoại tệ thu nhập hợp pháp còn lại đều dùng để mua những hàng hóa Nhà nước khuyến khích nhập khẩu và bán cho Nhà nước theo quy định ở điểm a. 4 dưới đây, thì mức miễn thuế được hưởng là 4USD/ngày (tính theo số ngày đi và về).

a. 2) Hàng hóa phải nộp thuế : Số hàng hóa mua bằng ngoại tệ vượt định mức miễn thuế nhưng nằm trong tổng số ngoại tệ thu nhập hợp pháp của từng người trong một chuyến đi và khi nhập cảnh có khai báo hải quan, thì phải nộp thuế



hàng hóa nhập khẩu phi mậu dịch cho Hải quan cửa khẩu (theo giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu phi mậu dịch do cơ quan thuế tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương ấn định từng thời gian).

a. 3) *Những hàng hóa Nhà nước không khuyến khích nhập khẩu*: Trong phạm vi ngoại tệ thu nhập hợp pháp, thuyền viên Việt Nam chỉ được mang theo về nước theo định lượng và thời gian quy định như sau:

— *Thuốc lá nước ngoài*: đi dưới ba tháng, thì mỗi lần nhập cảnh không quá hai tút (một tút 10 bao, mỗi bao 20 điếu); đi trên ba tháng, thì mỗi lần nhập cảnh không quá 5 tút cùng chủng loại như trên;

— *Súng săn*: một khẩu, cho mỗi lần nhập cảnh cách nhau một năm, nhưng phải có giấy phép của Công an tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương;

— *Súng hơi*: một khẩu cho mỗi lần nhập cảnh, cách nhau một năm;

— *Xe máy loại 125 phân khối trở xuống*: một năm được nhập khẩu một chiếc; loại trên 125 phân khối không được phép nhập khẩu.

— *Vi-di-ô cát-xét*: một năm được nhập khẩu một bộ hoàn chỉnh, nhưng phải có giấy phép trước của Tổng cục Điện tử và Bộ Văn hóa. Nếu có giấy phép thì Hải quan tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi tắt là Hải quan tỉnh) mới cấp giấy phép nhập khẩu.

Nếu số hàng hóa nói trên mang theo về nước, tuy trong phạm vi ngoại tệ thu nhập hợp pháp, nhưng vượt định lượng hoặc không đúng thời gian quy định, thì phần vượt định lượng hoặc không đúng thời gian quy định ấy phải nộp thuế hàng hóa nhập khẩu phi mậu dịch cho Hải quan cửa khẩu và phải bán cho thương nghiệp quốc doanh theo giá mua thấp hơn giá bán lẻ kinh doanh thương nghiệp từ 10% đến 20%

như đã quy định trong Chỉ thị số 202-HĐBT ngày 10-7-1985 của Hội đồng Bộ trưởng.

a. 4) *Những hàng hóa Nhà nước khuyến khích nhập khẩu*: Thuyền viên Việt Nam sử dụng ngoại tệ thu nhập hợp pháp được mua mang về nước không hạn chế số lượng, chủng loại và tất cả đều được miễn thuế.

Những loại hàng hóa khuyến khích nhập khẩu là những loại phụ tùng thiết bị cho ngành đóng tàu, sửa chữa tàu, giao thông vận tải như:

- Các loại phụ tùng ô-tô;
- Các loại sơn;
- Các loại dây điện, bóng điện;
- Các loại máy móc, thiết bị hàng hải;
- Các vòng bi;
- Các loại dụng cụ cơ khí;
- Các loại vật tư, dụng cụ chuyên dùng cho nghiên cứu khoa học hàng hải;
- Các loại nguyên liệu phục vụ cho sản xuất...

Những loại hàng hóa nói trên có tính chất chuyên dùng cho ngành Giao thông vận tải, thì bất luận do tập thể hoặc cá nhân mua về đều phải bán cho Công ty cung ứng vật tư thiết bị của Tổng cục Đường biển Bộ Giao thông vận tải, hoặc Công ty vận tải biển thuộc Sở Giao thông vận tải (nếu là tàu của tỉnh), hoặc cho Bộ Vật tư với giá thỏa đáng như đã quy định trong Chỉ thị số 202-HĐBT ngày 10-7-1985 của Hội đồng Bộ trưởng (theo giá bán buôn vật tư trong nước hoặc theo giá vốn bằng nguyên tệ, nhân với tỷ giá kiều hối; trong cả hai trường hợp đều được cộng thêm một tỷ lệ thường đủ mức khuyến khích thuyền viên Việt Nam mang các loại hàng hóa trên về bán cho Nhà nước có lợi hơn mang các loại hàng hóa khác).

a. 5) *Những hàng hóa công nghiệp tiêu dùng*:

Thuyền viên Việt Nam mua mang theo về nước bằng ngoại tệ thu nhập hợp pháp



những hàng hóa công nghiệp tiêu dùng, sau khi làm xong thủ tục hải quan (kể cả hàng miễn thuế hoặc nộp thuế), thì những hàng hóa nói trên thuộc quyền sở hữu của người có hàng; khi cần bán, thì chỉ được bán cho thương nghiệp quốc doanh và được thanh toán sòng phẳng bằng tiền mặt theo giá thỏa đáng (thấp hơn giá bán lẻ kinh doanh thương nghiệp từ 5% đến 10%) như đã quy định trong Chỉ thị số 202-HĐBT ngày 10-7-1985 của Hội đồng Bộ trưởng, không được bán ra ngoài cho tư thương.

Đối với các loại tân dược, thì vẫn thi hành theo các quy định hiện hành của Bộ Y tế.

b) Các khoản thu nhập hợp pháp ngoại tệ gồm:

- Tiền tiêu vật, theo chế độ của Bộ Tài chính quy định mà tiết kiệm được;
- Phần tiết kiệm được trong tiền ăn do Nhà nước quy định (không quá mười lăm phần trăm mức định lượng/ngày mà Nhà nước quy định cho từng người);
- Các loại tiền thưởng;
- Tiền lao động ngoài nghĩa vụ;

Riêng đối với tàu biển Việt Nam đi sửa chữa, tiền lao động ngoài nghĩa vụ phải được Tổng cục Đường biển hoặc Sở Giao thông vận tải (nếu là tàu địa phương) duyệt và thông báo trước cho Hải quan tỉnh biết trước khi tàu xuất cảnh.

- Các loại tiền thưởng, tiền ăn và tiền lao động ngoài nghĩa vụ tiết kiệm được phải có Giám đốc Công ty vận tải biển xác nhận.

c) Cách tính trị giá hàng hóa mua bằng ngoại tệ thu nhập hợp pháp:

c. 1) Đề có cơ sở pháp lý tính trị giá hàng hóa của từng thuyền viên Việt Nam mang về nước mua bằng ngoại tệ thu nhập hợp pháp, khi làm thủ tục hải quan phải khai đúng giá nguyên tệ, kèm theo hóa đơn hợp lệ do các hãng buôn hoặc hãng sản xuất của nước bán có đủ tư cách pháp nhân cấp. Nếu không có hóa đơn, hoặc có

hóa đơn nhưng không hợp lệ, thì Hải quan cửa khẩu sẽ căn cứ vào bảng giá hàng nước ngoài bằng nguyên tệ do Tổng cục Hải quan công bố một tháng một lần để tính trị giá hàng hóa của thuyền viên Việt Nam mua mang về nước.

c. 2) Thuyền viên Việt Nam mua hàng cũ mang về nước, thì cách tính giá trị như sau:

- Hàng hóa còn giá trị sử dụng từ chín mươi phần trăm trở lên, thì coi là hàng mới;

- Hàng hóa còn giá trị sử dụng dưới chín mươi phần trăm thì được coi là hàng cũ và được tính trị giá bằng một phần tư hàng mới.

### III. THỦ TỤC HẢI QUAN

1. Áp dụng sổ đăng ký hành lý xuất nhập khẩu của lái xe, lái tàu, thuyền viên Việt Nam do Tổng cục Hải quan thống nhất phát hành và quản lý.

2. Áp dụng tờ khai hành lý nhập khẩu đối với thuyền viên Việt Nam, và Tờ khai hành lý xuất nhập khẩu đối với lái xe lái tàu Việt Nam, theo mẫu của Tổng cục Hải quan quy định.

3. Các tàu thuyền Việt Nam khi xuất cảnh muốn mang theo một số vật phẩm do Việt Nam sản xuất để làm quà biếu (không phải là hàng cấm xuất khẩu), hoặc muốn nhập khẩu hàng hóa (không phải là hàng cấm nhập khẩu) cho tập thể (cơ quan, công đoàn) của ngành vận tải biển Việt Nam, thì phải xin phép trước Hải quan tỉnh. Riêng đối với những trường hợp xin phép nhập khẩu hàng hóa cho tập thể, thì phải kèm theo giấy phép xuất khẩu ngoại tệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.

Nếu được phép xuất khẩu hay nhập khẩu, thì toàn bộ số hàng hóa xuất nhập khẩu phi mậu dịch ấy phải nộp thuế cho Hải quan cửa khẩu.

4. Trong trường hợp tàu biển Việt Nam thường xuyên đi nước ngoài, thì được



phép dự trữ trên tàu và xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế cho từng chuyến đi như rượu không quá hai mươi chai (loại 0,75 lít); thuốc lá nước ngoài không quá mười tút (một tút 10 bao, một bao 20 điếu); bia không quá năm két (mỗi két 24 chai, loại 0,50 lít) để tiếp khách nước ngoài.

Số hàng hóa này khi tàu xuất nhập cảnh phải khai báo với Hải quan cửa khẩu.

Nên sử dụng rượu, bia, thuốc lá Việt Nam để tiếp khách nước ngoài. Tuyệt đối không dùng bia, rượu, thuốc lá nước ngoài để tiếp khách trong nước.

5. Đối với quà biếu của các hãng nước ngoài tặng tàu biển Việt Nam, thì khi tàu nhập cảnh thuyền trưởng phải làm đầy đủ thủ tục Hải quan và phải ghi đồ vật đó vào mục lục tài sản của tàu theo quy định của Nhà nước.

6. Tàu biển Việt Nam nếu có vận chuyển thêm hàng hóa, hành lý của công dân Việt Nam công tác, học tập, lao động ở nước ngoài, thì khi nhập cảnh thuyền trưởng phải khai báo và làm đầy đủ thủ tục Hải quan với Hải quan cửa khẩu.

Nếu số lượng hành lý, hàng hóa nói trên quá năm kiện thì ngoài việc khai báo làm thủ tục Hải quan phải có vận đơn và phải được ghi trong lược khai hàng hóa của tàu.

7. Thủ tục kiểm tra, kiểm soát của Hải quan cửa khẩu chỉ làm một lần, khi tàu xuất cảnh hay nhập cảnh.

Thuyền viên Việt Nam chỉ được quyền làm thủ tục một lần khai báo toàn bộ hành lý, hàng hóa cho Hải quan cửa khẩu, cảng mà tàu được chỉ định nhập cảnh.

Sau khi kiểm tra, Hải quan cửa khẩu có trách nhiệm làm đầy đủ thủ tục để hành lý, hàng hóa phi mậu dịch của thuyền viên Việt Nam được giải phóng và lưu hành hợp pháp ngay.

Hàng hóa nhập khẩu, sau khi đã làm xong thủ tục Hải quan phải mang lên bờ ngay, không được để ở dưới tàu.

Trong trường hợp hàng hóa chưa mang lên bờ được, thì thuyền trưởng phải báo cáo Hải quan cửa khẩu để xác nhận.

Khi có nghi vấn cần phải kiểm tra, kiểm soát lần thứ hai, thì phải do Hải quan cấp tỉnh quyết định; đồng thời thông báo ngay cho Giám đốc Công ty vận tải biển chủ quản biết. Nếu thấy cần thiết, Giám đốc Công ty vận tải biển chủ quản có thể đến chứng kiến việc kiểm tra.

8. Khi cán bộ, chiến sĩ Hải quan xuống tàu biển Việt Nam làm nhiệm vụ, thì thuyền trưởng; thuyền viên không được biếu tặng quà cáp, hoặc tỏ chức chiêu đãi ăn uống.

#### IV. XỬ LÝ CÁC HÀNH VI VI PHẠM

1. Những hành vi trái với những quy định trong Thông tư này như xuất nhập hàng hóa trái phép; giấu giếm hàng hóa xuất nhập khẩu không khai báo với Hải quan cửa khẩu, xuất nhập khẩu hàng cấm, v.v... đều coi như buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính theo Nghị định số 46-HĐBT ngày 10-5-1983 của Hội đồng Bộ trưởng (quy định việc xử lý bằng biện pháp hành chính các vi phạm nhỏ về buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới) và luật lệ hải quan hiện hành; hoặc có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự (theo Luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam).

2. Những hàng hóa của lái xe, lái tàu và thuyền viên Việt Nam mang về mỗi lần nhập cảnh, có khai báo với Hải quan cửa khẩu nhưng vượt quá trị giá, định lượng và thời gian quy định, hoặc vượt quá các khoản thu nhập hợp pháp bằng ngoại tệ v.v... đều bị xử lý theo Chỉ thị số 301-TCHQ/PC ngày 15-3-1986 của Tổng cục Hải quan hướng dẫn thi hành Thông tư này.

3. Hàng hóa xuất nhập khẩu trái phép do Hải quan cửa khẩu phát hiện thấy trên



các tàu, thuyền, ô-tô Việt Nam xuất, nhập cảnh, nhưng không có người nhận, thì thuyền trưởng hoặc sĩ quan phụ trách khu vực, hoặc lái xe, lái tàu phải chịu trách nhiệm về số hàng hóa ấy, và sẽ bị xử lý như điểm 1 phần IV.

#### V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 5 năm 1986.

Những quy định trước đây trái với Thông tư liên Bộ này đều bãi bỏ.

Bộ trưởng                      Tổng cục trưởng  
Bộ Giao thông vận tải      Tổng cục Hải quan  
**ĐỒNG SI NGUYỄN              NGUYỄN TÀI**

#### BỘ Y TẾ

**THÔNG TƯ** của Bộ Y tế số 7 - BYT/TT ngày 8-3-1986 hướng dẫn việc nâng mức bồi dưỡng cho người hiến máu.

Đề đáp ứng nhu cầu máu cho công tác phẫu thuật trong bệnh viện và phù hợp với giá cả sinh hoạt hiện nay, tại công văn số 105-TC/HCVX ngày 22-2-1986 của Bộ Tài chính nhất trí quy định mức tiền bồi dưỡng cho người hiến máu từ 80đ đến 100đ/100 ml máu. Bộ Y tế hướng dẫn việc thực hiện sửa đổi và bổ sung chế độ bồi dưỡng cho người hiến máu quy định tại Thông tư số 8-TT/LB ngày 3-5-1985 như sau:

1. Nâng tiền bồi dưỡng cho người hiến máu (kể cả đối với những người thân nhân cho máu để truyền cho người nhà mình):

a) Cứ cho 100ml máu được hưởng bồi dưỡng:

— Ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh là 100 đồng,

— Ở các tỉnh và thành phố khác từ 80 đồng đến 100 đồng.

b) Ngoài ra, người hiến máu còn được hưởng phụ cấp chênh lệch giá sinh hoạt theo vùng của từng địa phương tính trên cơ sở mức bồi dưỡng cho người hiến máu quy định ở điểm a mục 1 và được thay đổi từng thời kỳ tùy theo quyết định sửa đổi của Nhà nước về phụ cấp chênh lệch giá sinh hoạt.

2. Căn cứ vào mức tiền bồi dưỡng quy định ở điểm a của mục 1 và khả năng ngân sách của từng địa phương, Sở Y tế phối hợp với Sở Tài chính xác định cụ thể mức tiền bồi dưỡng cho người hiến máu, báo cáo Ủy ban Nhân dân xét quyết định cho phù hợp với thực tế ở địa phương.

3. Thông tư này chỉ sửa đổi điểm 1,2 trong Thông tư liên Bộ số 8-TT/LB ngày 3-5-1985 và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 3 năm 1986; còn các điểm khác vẫn giữ nguyên theo chế độ hiệu hành.

K.T. Bộ trưởng Bộ Y tế  
Thứ trưởng  
Gs. **PHẠM SONG**

#### TỔNG CỤC HẢI QUAN

**QUYẾT ĐỊNH** của Tổng cục Hải quan số 250 - TCHQ/CGQ/PC ngày 8-3-1986 về việc thu phí lưu kho hải quan.

#### TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Nghị định số 139-HĐBT ngày 20 tháng 10 năm 1984 của Hội đồng Bộ trưởng quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức Tổng cục Hải quan;

Căn cứ Điều lệ Hải quan do Hội đồng Chính phủ ban hành kèm theo Nghị định số 3-CP ngày 27 tháng 2 năm 1960;

Xét đề nghị của các đồng chí Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Giám quản và Vụ